



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ THÀNH TRA, KIỂM TRA VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

PGS. TS Phạm Văn Lợi -

Viện trưởng Viện Khoa học môi trường, VEA, MONRE

NỘI DUNG

- I. Thanh tra, kiểm tra về bvmt
- II. Bồi thường thiệt hại về MT



I. THANH TRA, KIỂM TRA VỀ BVMT

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- Mục đích của thanh tra, kiểm tra: phát hiện và giải quyết kịp thời những vướng mắc, khắc phục các vi phạm; phổ biến, nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm; phát hiện những vướng mắc để đề xuất, kiến nghị điều chỉnh văn bản quy phạm pháp luật.
- Luật quy định đặc thù thanh tra, kiểm tra về BVMT (Điều 160), được chi tiết tại các Điều 162, 163, 164 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- Giao Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức thanh tra, kiểm tra về BVMT; Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức kiểm tra về BVMT đối với hộ gia đình, cá nhân và đối tượng thuộc thẩm quyền tiếp nhận đăng ký môi trường (khoản 1 Điều 160)

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- **Thanh tra thường xuyên:**
 - Đối tượng mức I, Cột 3 Phụ lục II của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và đồng thời thuộc trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
 - Chỉ áp dụng trong các trường hợp cần thiết, có yêu cầu cấp thiết phải thực hiện ngay để phục vụ cho mục đích quản lý của cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện tối đa 3 năm

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- **Thanh tra đột xuất:**
 - Chỉ áp dụng trong trường hợp cần thiết theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; các trường hợp không thuộc quy định nêu trên thì vẫn thực hiện theo trình tự, thủ tục của pháp luật về thanh tra
 - Người có thẩm quyền ra Quyết định thanh tra hoặc Trưởng đoàn thanh tra quyết định việc thanh tra đột xuất không công bố trước (thủ tục công bố Quyết định thanh tra được thực hiện sau khi đã tiến hành các hoạt động tại hiện trường)

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- **Thanh tra đột xuất:**
 - Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày bắt đầu tiến hành các hoạt động thanh tra đột xuất không công bố trước, trưởng đoàn thanh tra công bố quyết định thanh tra. Trường hợp đại diện theo pháp luật của đối tượng thanh tra cố tình không tham dự hoặc vắng mặt có lý do thì Trưởng đoàn thanh tra không cần phải thực hiện đúng quy định về thời hạn này.
 - Không được cung cấp thông tin cho đối tượng thanh tra, trường hợp cố tình để lộ thông tin thì bị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- **Kiểm tra về BVMT:**
 - Có thể tiến hành ngay để xử lý vụ việc theo yêu cầu QLNN, trình tự thủ tục sẽ đơn giản hơn thanh tra; có thể mời thêm các chuyên gia, nhà khoa học, đại diện các cơ quan chính quyền địa phương.
 - Việc phê duyệt kế hoạch được lồng ghép trong quá trình xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra và không chồng chéo với kế hoạch thanh tra. Cơ quan nào có chức năng phê duyệt kế hoạch thanh tra thì cơ quan đó có chức năng phê duyệt kế hoạch kiểm tra.

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- **Kiểm tra về BVMT:**

- Trình tự, thủ tục của cuộc kiểm tra đột xuất không báo trước tương tự như thanh tra đột xuất không báo trước.
- Thẩm quyền kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 Điều 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Đoàn kiểm tra của lực lượng CSMT có sự tham gia của cơ quan chuyên môn về BVMT, thành phần phiên làm việc đầu tiên của đoàn kiểm tra của lực lượng CSMT do Trưởng đoàn kiểm tra quyết định.

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- **Kiểm tra về BVMT:**
 - Cuộc kiểm tra tối đa không quá 07 ngày kể từ ngày bắt đầu kiểm tra tại nơi được kiểm tra; trường hợp phức tạp thì thời hạn là 15 ngày.
 - Trường hợp cần thiết thì Trưởng đoàn kiểm tra kiến nghị người có thẩm quyền tổ chức thanh tra đột xuất.
 - Khi phát hiện vi phạm trong quá trình kiểm tra, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải lập BBVPHC và chuyển người có thẩm quyền xử lý. Kết quả kiểm tra phải có thông báo bằng văn bản.

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- Cơ chế phối hợp trong thanh tra, kiểm tra:
 - Tần suất thanh tra không quá 01 lần/năm đối với một tổ chức, cá nhân trừ trường hợp thanh tra đột xuất.
 - Lực lượng CSMT kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu hoạt động phạm tội, vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm môi trường; khi có tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có tin báo, phản ánh về vi phạm quy định pháp luật liên quan đến tội phạm môi trường.
 - Phải có sự phối hợp của cơ quan quản lý nhà nước về BVMT, lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường và các cơ quan khác có liên quan.

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- Cơ chế phối hợp trong thanh tra, kiểm tra:
 - Lực lượng CSMT không kiểm tra các đối tượng thuộc kế hoạch kiểm tra, thanh tra hàng năm do Bộ TNMT, UBND cấp tỉnh, cấp huyện phê duyệt, trừ trường hợp phát hiện dấu hiệu hoạt động phạm tội về BVMT hoặc thực hiện theo quy định pháp luật về tố tụng hình sự hoặc phải ngăn chặn ngay hành vi vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường đang xảy ra.

Thanh tra, kiểm tra về BVMT

- Cơ chế phối hợp trong thanh tra, kiểm tra:
 - Việc kiểm tra của lực lượng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường thực hiện khi đáp ứng đủ một trong các điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 160 của Luật BVMT, đồng thời phải không thuộc kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Bộ TNMT, UBND cấp tỉnh, cấp huyện đã được ban hành.

II. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ MÔI TRƯỜNG



Những điểm mới về bồi thường thiệt hại về môi trường trong Luật BVMT 2020

Từ điều 130 - 135 bao gồm những nội dung mới như sau:

1. Bổ sung nguyên tắc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về MT;
2. Bổ sung chủ thể có trách nhiệm yêu cầu bồi thường và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái;
3. Xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường;
4. Quy định trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường;
5. Quy định hình thức giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường;
6. Chi phí bồi thường thiệt hại về môi trường;
7. Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường.



1. Bổ sung nguyên tắc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về MT

- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường của từng đối tượng được xác định theo loại chất gây ô nhiễm, lượng phát thải và các yếu tố khác;
- Trách nhiệm chi trả chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại của từng đối tượng được xác định tương ứng với tỷ lệ gây thiệt hại trong tổng thiệt hại môi trường;
- Trường hợp các bên liên quan hoặc cơ quan quản lý nhà nước về môi trường không xác định được tỷ lệ chịu trách nhiệm thì cơ quan trọng tài hoặc tòa án quyết định theo thẩm quyền;
- Việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật và thiệt hại xảy ra thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm, gây ô nhiễm về môi trường.



2. Bổ sung chủ thể có trách nhiệm yêu cầu bồi thường và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái như sau:

- a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường gây ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái;
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã;



2. Bổ sung chủ thể có trách nhiệm yêu cầu bồi thường và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái (tiếp)

- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;
- d) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại và chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.



3. Xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường

- a) Xác định phạm vi, diện tích, khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái;
- b) Xác định số lượng thành phần môi trường bị suy giảm, các loại hình hệ sinh thái, các loài bị thiệt hại;
- c) Xác định mức độ thiệt hại của từng thành phần môi trường, hệ sinh thái, các loài.



4. Quy định trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường

- Thông báo về thiệt hại đối với môi trường;
- Thủ tục tiếp nhận thông báo thiệt hại đối với môi trường;
- Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thu thập dữ liệu, chứng cứ, tính toán thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại;
- Xác định các loại dữ liệu, chứng cứ cần thiết để tính toán thiệt hại đối với môi trường;
- Cách thức, phương pháp tính toán thiệt hại.



5. Quy định hình thức giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường

Bồi thường thiệt hại về môi trường được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên. Trong trường hợp không thương lượng được, các bên có thể lựa chọn giải quyết thông qua các hình thức sau đây:

- a) Hòa giải;
- b) Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài;
- c) Giải quyết tranh chấp bằng Tòa án.



6. Chi phí bồi thường thiệt hại về môi trường

- a) Bổ sung chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục bồi thường thiệt hại về môi trường;
- b) Chi phí tổ chức ứng phó sự cố môi trường;
- c) Chi phí bồi thường thiệt hại do tổ chức, cá nhân chi trả trực tiếp hoặc nộp về Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh để tổ chức chi trả.



7. Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường

Tổ chức giám định thiệt hại để bên yêu cầu giám định thiệt hại lựa chọn; trường hợp không có sự thống nhất của các bên thì việc chọn tổ chức giám định thiệt hại do cơ quan giải quyết bồi thường thiệt hại quyết định.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !